

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung
khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp
nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

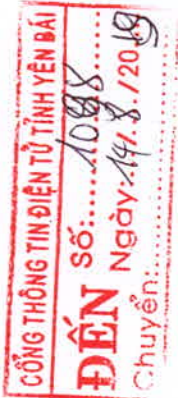
Thực hiện Kết luận số 400-KL/TU ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái và Công văn số 163/TT.HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1183/TTr-STC ngày 29 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác (bao gồm cả đi họp) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.



2. Những nội dung liên quan đến khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quy định chế độ khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Đối tượng thực hiện khoản

a) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25) thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị đủ điều kiện được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung nhưng chưa được trang bị xe (bao gồm cả trường hợp được trang bị xe nhưng bị hư hỏng không sử dụng được) hoặc đã được trang bị nhưng số xe được trang bị hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác;

b) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 trở lên) của các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành và tổ chức tương đương không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung;

c) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 trở lên) của đơn vị thuộc cấp huyện (ngoài Văn phòng cấp ủy và chính quyền cấp huyện) không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung;

d) Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

đ) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này đi công tác thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định.

2. Hình thức và mức khoán

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

b) Hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh và áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng:

- Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng;

- Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng.

3. Đơn giá khoán

a) Phân cấp cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định căn cứ khả năng cân đối nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và không vượt

quá đơn giá bình quân/km (loại 4 chỗ ngồi) của các hãng taxi phổ biến trên thị trường tại địa phương do Sở Tài chính thông báo.

b) Khi đơn giá bình quân/km của các hãng taxi phổ biến trên thị trường tại địa phương tăng, giảm từ 20% trở lên so với đơn giá đã thông báo thì Giám đốc Sở Tài chính xem xét, thông báo điều chỉnh cho phù hợp.

4. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức khoán theo km thực tế trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

5. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Quyết định việc áp dụng khoán; hình thức và công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của đơn vị mình.

2. Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

4. Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

5. Bổ sung hình thức khoán vào quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Thông báo đơn giá bình quân/km (loại 4 chỗ ngồi) của các hãng taxi phổ biến trên thị trường tại địa phương để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có cơ sở thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tổ chức thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Như khoản 3 Điều 6 QĐ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, TKTH, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy
Đỗ Đức Duy